TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2022/QĐST-HNGĐ	*Hiệp Hòa, ngày 24 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông **Hoàng Thị Hương Lan**.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2022 về việc "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 12A/2022/QĐST-VDS ngày 15/9/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***- Người yêu cầu**:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Thôn CT, xã X, huyện Hiệp Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Chị Phùng Thị M, sinh năm 1983 (Có mặt)

Cùng cư trú: Thôn CT, xã X, huyện Hiệp Hòa.

- UBND xã X, huyện Hiệp Hòa do ông Ngô Xuân Thủy – chức vụ: Chủ tịch là người đại diện.

Ông Ngô Xuân Thủy có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu anh Nguyễn Văn L L bày: Anh và chị Phùng Thị M cưới nhau có được tìm hiểu và cùng tự nguyện đến đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 07/12/1999. Sau khi cưới chị M về gia đình anh làm dâu ngay và vợ chồng chung sống hạnh phúc từ đó đến nay. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết chị M đã lấy ngày tháng năm sinh không phải của chị M để làm thủ tục đăng ký kết hôn và không nói cho anh biết. Thực chất chị M sinh ngày 04/01/1983 không phải sinh năm 1981 vì nếu đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/1999 thì chị vẫn chưa 18 tuổi. Vì vậy, anh và chị M đều yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị M theo sổ đăng ký kết hôn quyển số 04/1999 , trang số 07 số thứ tự số 28 ngày 07/12/1999 của UBND xã X; Đồng thời anh và chị M yêu cầu Tòa án

công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị M là hợp pháp kể từ ngày anh và chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là ngày 04/01/2000.

Về con chung: Anh L và chị M có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 07/11/2000 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh, sinh ngày 07/11/2007 hiện nay có một con chung đã trưởng thành và một cháu đang được anh và chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, nay anh và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị M L bày: Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau có được tìm hiểu và thỏa thuận và cùng tự nguyện đến đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 07/12/1999, sau khi cưới chị về sống chung cùng anh L ngay, vợ chồng cho đến nay vẫn sống bình thường hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn chị đã lấy năm sinh không đúng để đăng ký kết hôn với anh L nhưng chị không nói cho anh L biết. Chị xác định chị sinh ngày 04/01/1983 không phải sinh năm 1981. Nay anh L có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh L chị đồng ý và việc anh L chị yêu cầu công nhận kết hôn giữa chị và anh L kể từ ngày chị chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986 (18 tuổi).

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 07/11/2000 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh, sinh ngày 07/11/2007 hiện nay có một con chung đã trưởng thành và một cháu đang được chị và anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, nay anh và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản: vợ chồng vẫn sống bình thường, hạnh phúc, không có mâu thuẫn anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (UBND xã X) L bày: Ngày 07/12/1999 UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M. Chị M sinh ngày 04/01/1983 nhưng chị M đã khai sinh năm 1981 thì UBND xá X đã đăng ký kết hôn cho chị M và anh L. Nay anh L và chị M có yêu cầu Tòa án Hiệp Hòa hủy việc kết hôn trái pháp luật đã được đăng ký vào ngày 07/12/1999 và yêu cầu công nhận hôn nhân giữa anh L và chị M là hợp pháp kể từ ngày anh và chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là ngày 04/01/2000.

Địa phương có quan điểm như sau: Sau khi kiểm tra sổ đăng ký hộ khẩu, hộ tịch xác định chị Phùng Thị M sinh ngày 04/01/1983, không phải sinh năm 1981. Việc chị M và anh L được đăng ký kết hôn ngày 07/12/1999 là do chị M khai lý lịch không đúng sự thật nên mới được đăng ký kết hôn. Nay chị M và anh L yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị M là hợp pháp và được xác lập kể từ 04/01/2000 thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn thì địa phương nhất trí. Từ khi anh L và chị M kết hôn đến nay thì vợ chồng anh chị vẫn sinh sống cùng một nhà, tình cảm vợ chồng vẫn hạnh phúc bình thường, không thấy có mâu thuẫn gì xảy ra và đã sinh được hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán

ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa:

Áp dụng Điều 8, 10, 11, khoản 6 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 6 Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu hủy kế hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M;

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 13/3/1976 và chị Phùng Thị M, sinh ngày 04/01/1983 tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 04/01/2000;

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang không phải chịu lệ phí theo quy định.

Anh L có đơn yêu cầu Toà án công nhận vợ chồng nên phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhận định:

[1]. Về quyền yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân: Tại thời điểm hiện tại anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, chị M đã đủ điều kiện kết hôn, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M có quyền yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm cả hai đủ điều kiện kết hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hiệp Hòa việc kết hôn đã được đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền, nay anh Nguyễn Văn L yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 6 Điều 3 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã X vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt đương sự.

[4]. Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn của chị Phùng Thị M thì thấy:.

Xét thấy tại giấy khai sinh ngày 10/5/1984 và căn cước công dân cấp ngày 10/5/2021 thì chị Phùng Thị M sinh ngày 04/01/1983. Như vậy việc chị Phùng Thị M sinh ngày 04/01/1983 là có căn cứ. Đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn số 28/1999, quyển số 04, đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 1999 do Uỷ ban nhân dân xã X cấp thì thời điểm đăng ký kết hôn chị Phùng Thị M mới được 16 tuổi 11 tháng 03 ngày, như vậy là vi phạm điều kiện kết hôn được qui định tại khoản 1 Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M là trái pháp luật. Hiện nay, anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M vẫn sống chung hạnh phúc, trong thời gian chung sống không phát sinh mâu thuẫn. Anh L và chị M đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho vợ chồng anh kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Căn cứ tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: "Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó" . Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng qui định: "Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn". Như vậy anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M được quyền yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân. Chị Phùng Thị M, sinh ngày 04/01/1983, anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 13/3/1976, ngày anh, chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 04/01/2000. Do anh chị được công nhận quan hệ hôn nhân nên đối với yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016. Anh Nguyễn Văn L phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149, 367, 370,

371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/1999, quyển số 04, đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 1999 do Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị M: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 13/3/1976 và chị Phùng Thị M, sinh ngày 04/01/1983, HKTT: xóm Nội Hồ, thôn CT, xã X, tỉnh Bắc Giang, kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn là ngày 04/01/2000.

- Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0008264 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã X ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Hoàng Thị Hương Lan

- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hương Lan